

Số: /2026/QĐ-UBND Ninh Bình, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2026.
2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 71/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

b) Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai cụ thể đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình; các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Ktra VB và Tổ chức THPL, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP và PCVP;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Lưu: VT, VP3.

L/VP3/NN/2026/QĐ04

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

QUY ĐỊNH

Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định cụ thể về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Nguyên tắc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT (sau đây gọi là Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRONG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG CÁC KHU KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, KHAI THÁC TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN KHÁC, ĐÔ THỊ, DU LỊCH, CÔNG NGHIỆP, DI TÍCH LỊCH SỬ; ĐIỂM DU LỊCH; ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN; CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, ĐIỆN LỰC, VIỄN THÔNG VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC

Điều 4. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản và khai thác tài nguyên thiên nhiên khác

1. Thực hiện quy định chung tại Điều 5 (trừ khoản 3) Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Xây dựng phương án giằng néo kèo cột, che chắn và chống tốc mái cho nhà xưởng, nhà làm việc, nhà ở cho công nhân nội trú (nếu có), kho tàng, đặc biệt là các kho chứa thành phẩm, bán thành phẩm; khơi thông cống rãnh thoát nước nội bộ tránh xảy ra ngập úng cục bộ; duy trì sự làm việc bình thường của các máy phát điện dự phòng để chủ động cung cấp điện trong các tình huống bất khả kháng do thiên tai gây ra.

3. Kiểm tra các điều kiện khai thác, bảo đảm an toàn theo đúng thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt. Kiểm tra, rà soát hiện trạng mức độ an toàn tại các khu vực khai thác, bãi thải, hồ lắng, hồ chứa chất thải, hồ chứa quặng đuôi (kể cả khi các khu vực này đã dừng hoạt động); thực hiện các giải pháp để đưa về trạng thái an toàn theo quy định; đánh giá mức độ an toàn của đê, đập, bờ bao hồ chứa bùn thải, hồ lắng, bãi thải, bờ moong; rà soát, bổ sung hồ sơ thiết kế, khả năng chịu tải của đê, đập, bờ bao (có tính đến sự tác động của mưa bão, dòng chảy); xử lý khắc phục ngay các hiện tượng sụt, lún, nứt, thấm, sạt lở đê, đập, bờ bao, bờ moong. Dọc tuyến sông, suối phải đảm bảo thanh thải các bãi chứa vật liệu, công trình tạm của các chủ cơ sở khai thác cát, sỏi lòng sông, suối, ngòi.

4. Khai thác theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế mỏ, ranh giới, diện tích, độ sâu cho phép; có biện pháp giảm độ sâu phần đáy moong, thoát nước không để tạo thành hồ chứa nước nhằm bảo đảm an toàn.

5. Rào, chắn xung quanh khu vực đã tác động khai thác, phía trên các vách moong hiện hữu (đặc biệt là khu vực đã tạo thành hồ chứa nước), cấm biển báo nguy hiểm, bố trí lực lượng bảo vệ thường xuyên kiểm tra không để người dân, gia súc vào khu vực mỏ (đặc biệt nghiêm cấm việc tắm, bơi lội tại hồ chứa nước, đi lại trên vách, bờ moong). Thường xuyên kiểm soát khu vực khai thác khoáng sản và các khu vực khác có liên quan, trường hợp có dấu hiệu không bảo đảm an toàn, sạt, trượt, lở đất, đá phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến; đồng thời, có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

6. Bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra sự cố mất an toàn gây ảnh hưởng đến tính mạng con người và tài sản.

Điều 5. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khu đô thị

1. Thực hiện quy định chung tại Điều 5 (trừ khoản 3) Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Thông báo và yêu cầu người dân, chủ sở hữu thực hiện gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn nhà ở trước mùa mưa bão.

3. Kiểm tra, rà soát và có biện pháp sửa chữa, gia cường đối với các công trình sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính, công trình gắn panô, biển quảng cáo, bồn chứa nước trên cao.

4. Xây dựng phương án bảo đảm tiêu thoát nước đô thị, chống ngập úng; thường xuyên rà soát, kiểm tra hệ thống tiêu thoát nước của khu vực đô thị nhằm bảo đảm việc chống ngập úng khi có mưa, lũ.

5. Kiểm tra và có kế hoạch duy tu, bảo trì, nạo vét hệ thống tiêu thoát nước chính tại các khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng cục bộ khi có mưa, bão; có các giải pháp khắc phục tình trạng ngập úng cục bộ khi có mưa lớn.

6. Kiểm soát quy trình cắt tía cây xanh đô thị bảo đảm an toàn cho người dân trong mùa mưa bão; bảo đảm an toàn điện, cung cấp nước sạch cho người dân tại các vùng bị thiên tai.

Điều 6. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng điểm du lịch, khu du lịch, khu di tích lịch sử

1. Thực hiện quy định chung tại Điều 5 (trừ khoản 3) Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Theo dõi chặt chẽ tình hình, diễn biến thời tiết để có các biện pháp gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn cơ sở vật chất, có phương án bố trí nhân lực, phương tiện, chuẩn bị trang thiết bị và nhu yếu phẩm cần thiết để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người lao động và khách du lịch; đồng thời, chủ động thực hiện việc ngừng tiếp nhận phục vụ khách du lịch trong thời gian xảy ra thiên tai, chủ động sơ tán lao động và du khách khỏi khu vực ảnh hưởng trực tiếp bởi thiên tai.

3. Đối với các điểm du lịch, khu du lịch, khu di tích lịch sử tại các vùng thấp trũng, ven sông phải chuẩn bị sẵn sàng phương án sơ tán, di dời, bảo đảm an toàn cho khách du lịch và tài sản trước khi có gió mạnh hoặc nước dâng.

Điều 7. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu công nghiệp

1. Thực hiện quy định chung tại Điều 5 (trừ khoản 3) Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Kiểm tra rà soát mức độ an toàn chịu lực, ổn định hiện trạng của công trình.

3. Tiến hành các biện pháp gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn (đặc biệt hệ thống mái tôn, vách tôn, trần nhựa, cửa kính, thiết bị máy móc).

4. Tháo dỡ các thiết bị, bộ phận không bảo đảm an toàn khi có mưa bão.

5. Lập phương án và chủ động sửa chữa, gia cố kịp thời trụ sở, nhà xưởng, kho tàng, nhà ở không bảo đảm an toàn sau mưa bão nhằm sớm ổn định sản xuất và đời sống cán bộ, công nhân viên, người lao động trong đơn vị.

Điều 8. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng điểm dân cư nông thôn

1. Thực hiện quy định chung tại Điều 5 (trừ khoản 3) Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Thông báo và yêu cầu người dân, chủ sở hữu thực hiện gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn nhà ở trước mùa mưa bão.

3. Bảo đảm an toàn điện, cung cấp nước sạch cho người dân tại các vùng bị ngập úng.

4. Thực hiện việc đánh giá, cảnh báo cho người dân đang sinh sống và làm việc trong các công trình xây dựng tại các khu vực có nguy cơ sạt lở đất như bờ sông, bờ biển, bờ suối, sườn dốc, dưới chân taluy dương, trên đỉnh các taluy âm; các khu vực thường xảy ra mưa lũ.

5. Thực hiện việc nạo vét kênh mương, cửa lấy nước, đào ao trữ nước, lắp đặt và vận hành các trạm bơm dã chiến; chuẩn bị, bố trí phương tiện vận chuyển nước sạch để kịp thời cấp nước sinh hoạt cho nhân dân trong các điểm dân cư nông thôn tại các vùng thiếu nước nghiêm trọng khi hạn hán xảy ra.

Điều 9. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác

1. Thực hiện quy định chung tại Điều 5 (trừ khoản 3) Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Xây dựng phương án bảo đảm an toàn đối với công trình đang thi công xây dựng; lập, thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, công trình và các công trình lân cận, đặc biệt công tác bảo đảm an toàn đối với cần trục tháp, máy vận thăng và các thiết bị làm việc trên cao trong mùa mưa bão.

3. Khi vận hành công trình phải thực hiện thông tin, cảnh báo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, chính quyền nơi chịu tác động của quá trình vận hành, nhất là trong tình huống thiên tai đang diễn ra tại khu vực công trình và vùng bị tác động của quá trình vận hành.

Điều 10. Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành có liên quan

a) Tổ chức thực hiện thông tin, truyền thông nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng, biện pháp về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý.

b) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quá trình quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình hạ tầng thuộc phạm vi quản lý.

c) Xác định nội dung các nhiệm vụ cụ thể; phân công trách nhiệm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình hạ tầng bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

d) Báo cáo định kỳ hằng năm các trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai đối với các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, du lịch, đô thị, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 10 tháng 3 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Tổ chức việc xử lý các tình huống, hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai; sự cố, nguy cơ xảy ra sự cố thuộc phạm vi quản lý khi có yêu cầu. Trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp chỉ đạo ứng phó.

e) Đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, đô thị, du lịch, di tích lịch sử; điểm du lịch, điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức thực hiện việc thông tin, truyền thông nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng và biện pháp về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, đô thị, du lịch, di tích lịch sử; điểm du lịch, điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn.

b) Kiểm tra việc thực hiện đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình hạ tầng thuộc phạm vi quản lý.

c) Xác định nội dung các nhiệm vụ cụ thể và phân công trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên

thiên nhiên khác, công nghiệp, đô thị, du lịch, di tích lịch sử; điểm du lịch, điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổ chức việc xử lý các tình huống, hoạt động làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai; sự cố, nguy cơ xảy ra sự cố và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp chỉ đạo ứng phó.

đ) Đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, đô thị, du lịch, di tích lịch sử; điểm du lịch, điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý.

e) Tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng năm các trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai đối với các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, du lịch, đô thị, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 10 tháng 3 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành, sử dụng

a) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

b) Báo cáo hiện trạng hạng mục công trình hạ tầng, các trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai đối với các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công nghiệp, du lịch, đô thị, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý gửi Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý trước ngày 05 tháng 3 hằng năm để tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Chương III

TRÁCH NHIỆM BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRONG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Điều 11. Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển: Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn.

b) Tổ chức việc xử lý sự cố, nguy cơ xảy ra sự cố, tình huống làm gia tăng rủi ro thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai đối với công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển theo thẩm quyền. Trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp chỉ đạo ứng phó.

c) Đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổ chức kiểm tra về các quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển thuộc phạm vi quản lý.

đ) Tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng năm các trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đối với công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 10 tháng 3 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình đê điều

1. Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai của lực lượng chuyên trách quản lý đê điều đối với các tuyến đê từ cấp III trở lên: Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 8 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Ninh Bình đối với các công trình phân lũ, chậm lũ trên địa bàn tỉnh

a) Kiểm tra, theo dõi diễn biến tình trạng công trình; lập hồ sơ lưu trữ và cập nhật thường xuyên dữ liệu về công trình và thiên tai ảnh hưởng đến công trình.

b) Xây dựng phương án hộ đê, bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều; phương án xử lý sự cố đê điều.

c) Thực hiện các nội dung khác liên quan đến bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT và pháp luật về đê điều.

3. Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai của Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

4. Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai của Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình đê điều.

b) Xây dựng, phê duyệt phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều, phương án hộ đê đối với các tuyến đê trên địa bàn quản lý.

c) Thực hiện các nội dung liên quan đến bảo đảm an toàn đê điều quy định tại Chương III về bảo vệ và sử dụng đê điều, Chương IV về hộ đê, Chương VI về trách nhiệm quản lý nhà nước về đê điều của Luật Đê điều và các nội dung khác quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT theo trách nhiệm, thẩm quyền được giao.

d) Tổ chức, quản lý việc thực hiện bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với các tuyến đê cấp IV, cấp V và các tuyến đê chưa được phân cấp trên địa bàn quản lý theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 8 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

đ) Tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng năm các trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai đối với công trình đê điều thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 10 tháng 3 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, khai thác, vận hành công trình đập, hồ chứa nước thủy lợi, công trình chống úng, chống hạn và chống xâm nhập mặn

1. Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai của tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác, vận hành: Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, khai thác, vận hành công trình đập, hồ chứa nước thủy lợi, công trình chống úng, chống hạn và chống xâm nhập mặn.

b) Đảm bảo kinh phí bảo trì công trình; xử lý kịp thời sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố, khắc phục hậu quả thiên tai và hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp chỉ đạo ứng phó.

c) Tổ chức kiểm tra các quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, khai thác, vận hành công trình đập, hồ chứa nước thủy lợi, công trình chống úng, chống hạn và chống xâm nhập mặn thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng năm các trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đối với công trình đập, hồ chứa nước thủy lợi, công trình chống úng, chống hạn và chống xâm nhập mặn thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 10 tháng 3.

Điều 14. Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành, sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn.

b) Đảm bảo kinh phí duy tu bảo dưỡng công trình; xử lý kịp thời sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố, hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp chỉ đạo ứng phó.

c) Tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về các quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng năm trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đối với khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá thuộc phạm vi quản lý; gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 10 tháng 3.

Điều 15. Trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống trực canh, cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý hệ thống trực canh, cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 11 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành hệ thống trạm trực canh, cảnh báo theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng trên địa bàn.

b) Đảm bảo kinh phí duy tu bảo dưỡng công trình; xử lý kịp thời sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố, hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp chỉ đạo ứng phó.

c) Đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành hệ thống trạm trực canh, cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổ chức kiểm tra về các quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành hệ thống trạm trực canh, cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý.

đ) Tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng năm về hiện trạng và phương án bảo vệ hệ thống trạm trực canh, cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 10 tháng 3.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Trách nhiệm thực hiện

Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.